

Số: 58/BTTVSH-2025

Hà Nội, ngày 11 tháng 8 năm 2025

BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN SÔNG HỒNG - THÁI BÌNH

I. MỨC NƯỚC TẠI CÁC TRẠM

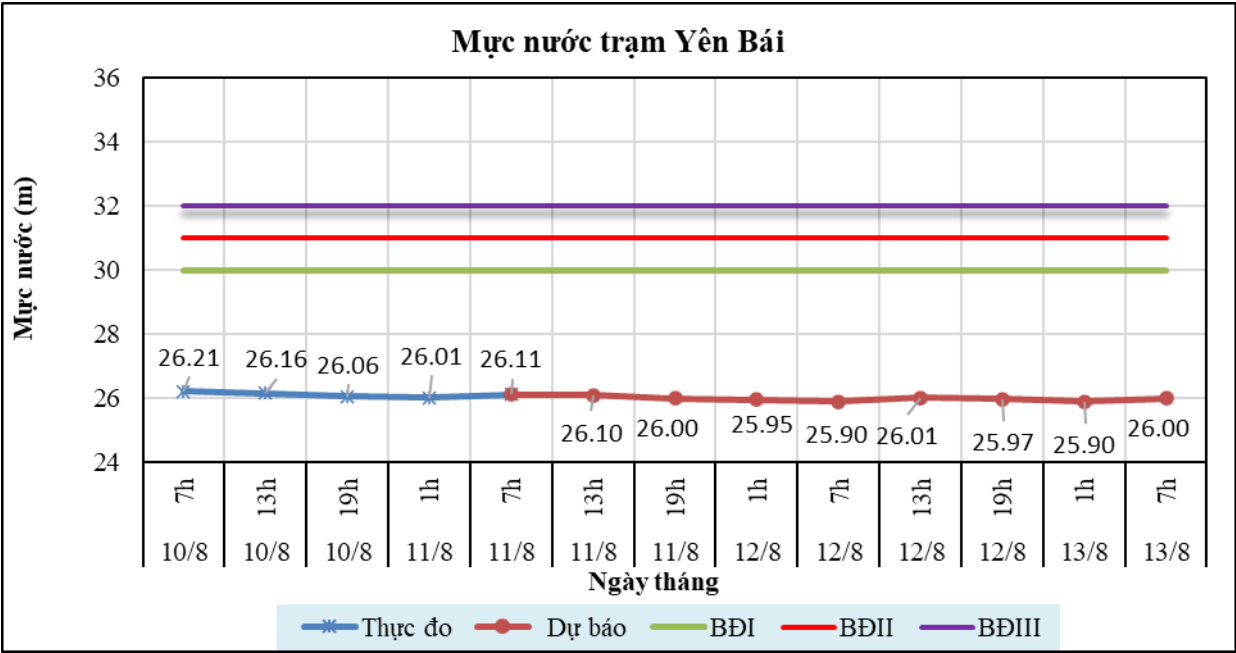
I.1. Trạm Yên Bái

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên sông Thao tại trạm Yên Bái có xu thế biến đổi.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trên sông Thao tại trạm Yên Bái tiếp tục có xu thế biến đổi.



Hình 1: Mức nước trạm Yên Bái

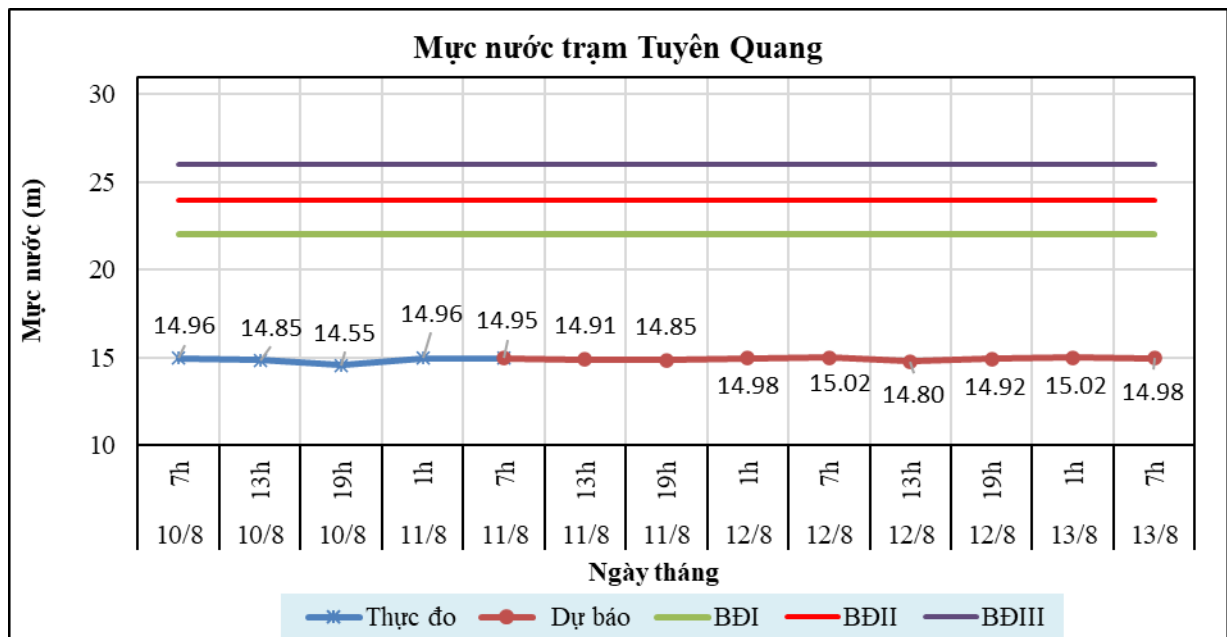
I.2. Trạm Tuyên Quang

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên sông Lô tại trạm Tuyên Quang dao động theo điều tiết của hồ thủy điện.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trên sông Lô tại trạm Tuyên Quang dao động theo điều tiết của hồ chứa.



Hình 2: Mức nước trạm Tuyên Quang

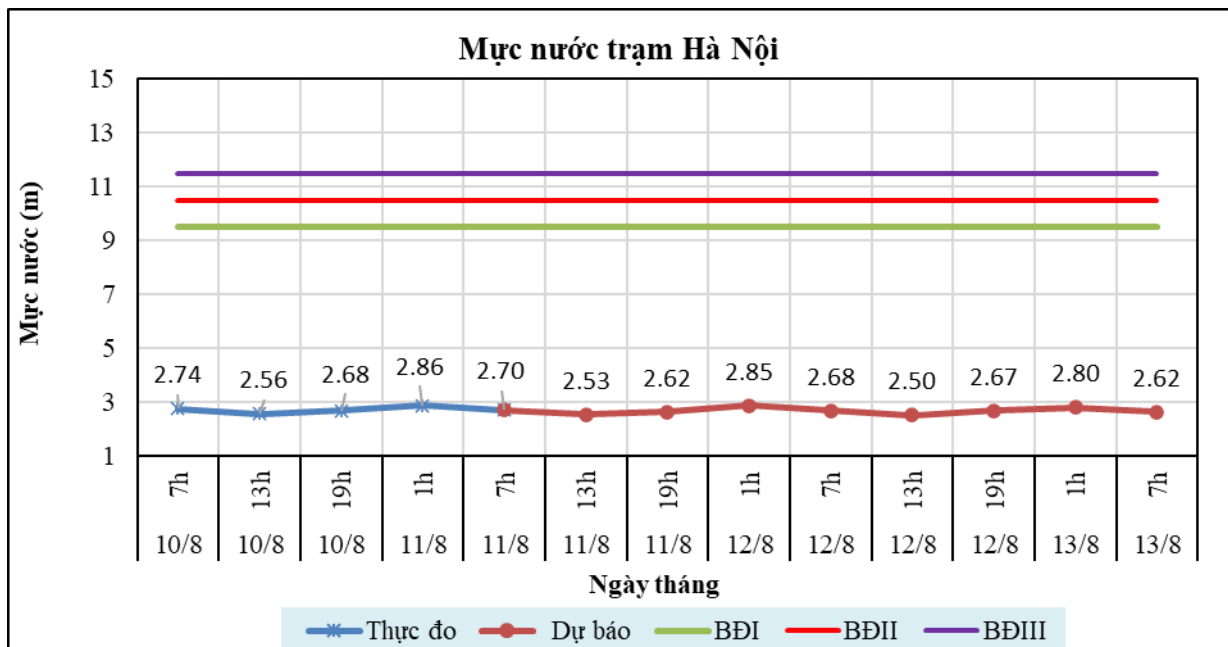
I.3. Trạm Hà Nội

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên sông Hồng tại trạm Hà Nội có xu thế biến đổi.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trên sông Hồng tại trạm Hà Nội tiếp tục có xu thế biến đổi.



Hình 3: Mức nước trạm Hà Nội

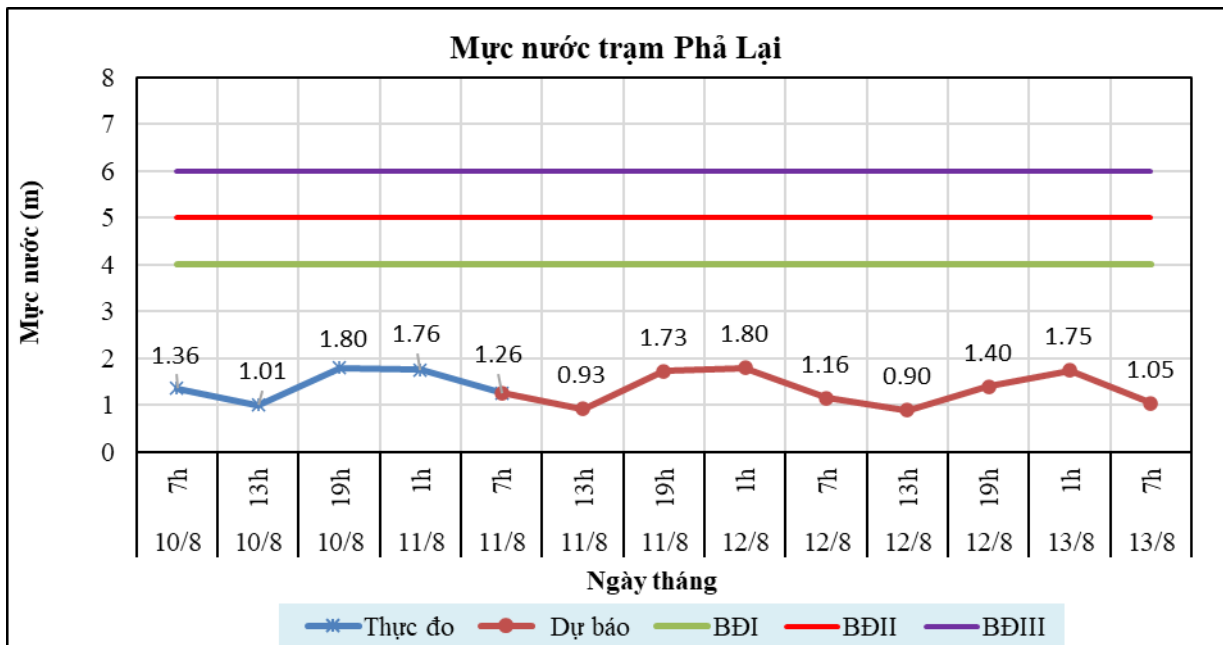
I.4. Trạm Phả Lại

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên sông Thái Bình tại trạm Phả Lại có xu thế biến đổi.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trên sông Thái Bình tại trạm Phả Lại tiếp tục có xu thế biến đổi.



Hình 4: Mức nước trạm Phả Lại

II. DỰ BÁO LƯU LƯỢNG, MỨC NƯỚC CÁC HỒ CHỨA

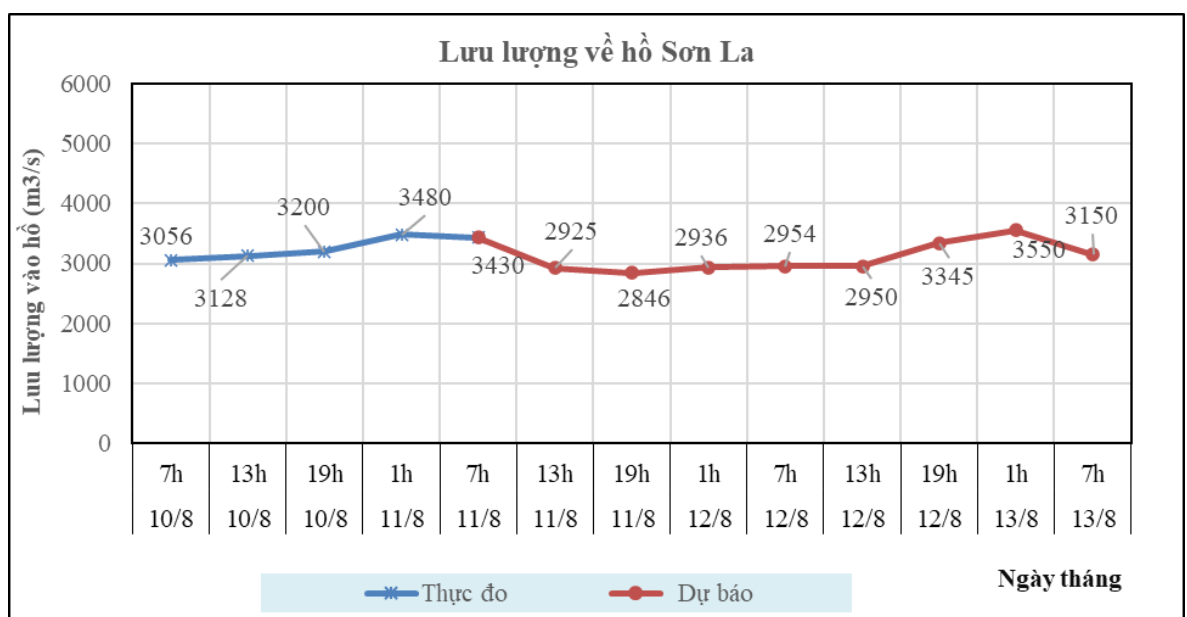
II.1. Hồ Sơn La

a. Diễn biến lưu lượng, mực nước hồ

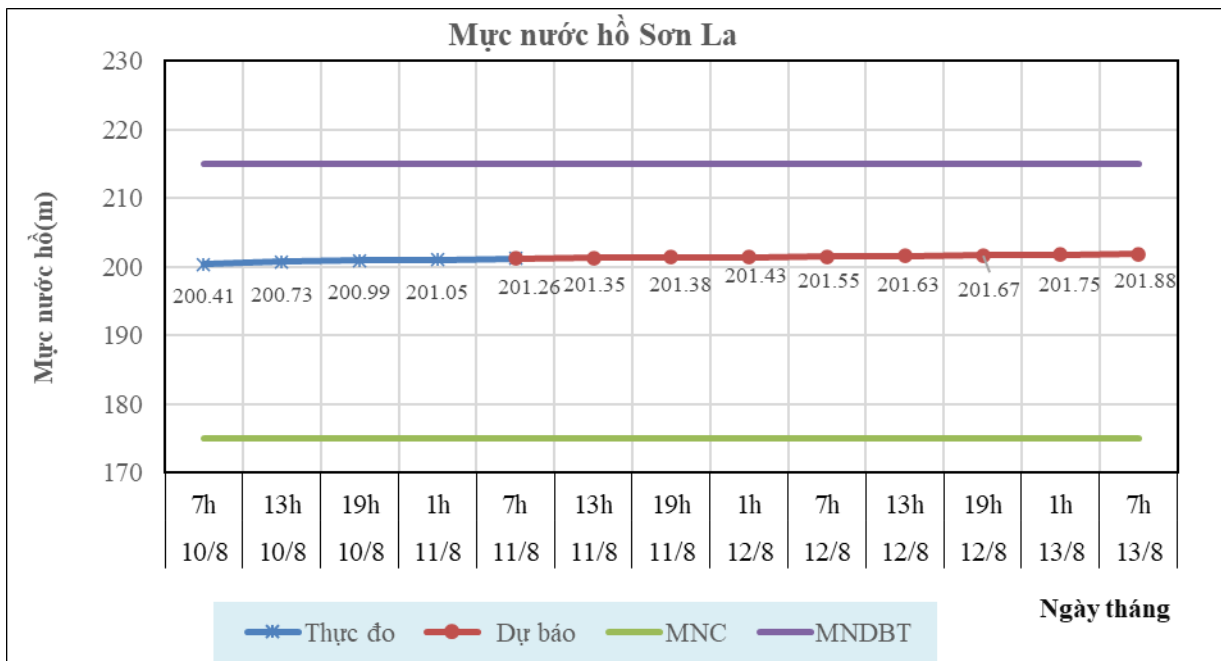
Lưu lượng hồ thực đo lúc 7h ngày 11/08/2025 đạt $3430\text{m}^3/\text{s}$, mực nước hồ đạt 201,26m, lưu lượng có xu thế biến đổi, mực nước có xu thế tăng.

b. Dự báo, cảnh báo

Lưu lượng dự báo trong 24h tới đạt $2954\text{m}^3/\text{s}$, mực nước hồ 201,55m, 48h tới lưu lượng đạt $3150\text{m}^3/\text{s}$, mực nước đạt 201,88m.



Hình 5: Lưu lượng hồ Sơn La



Hình 6: Mức nước hồ Sơn La

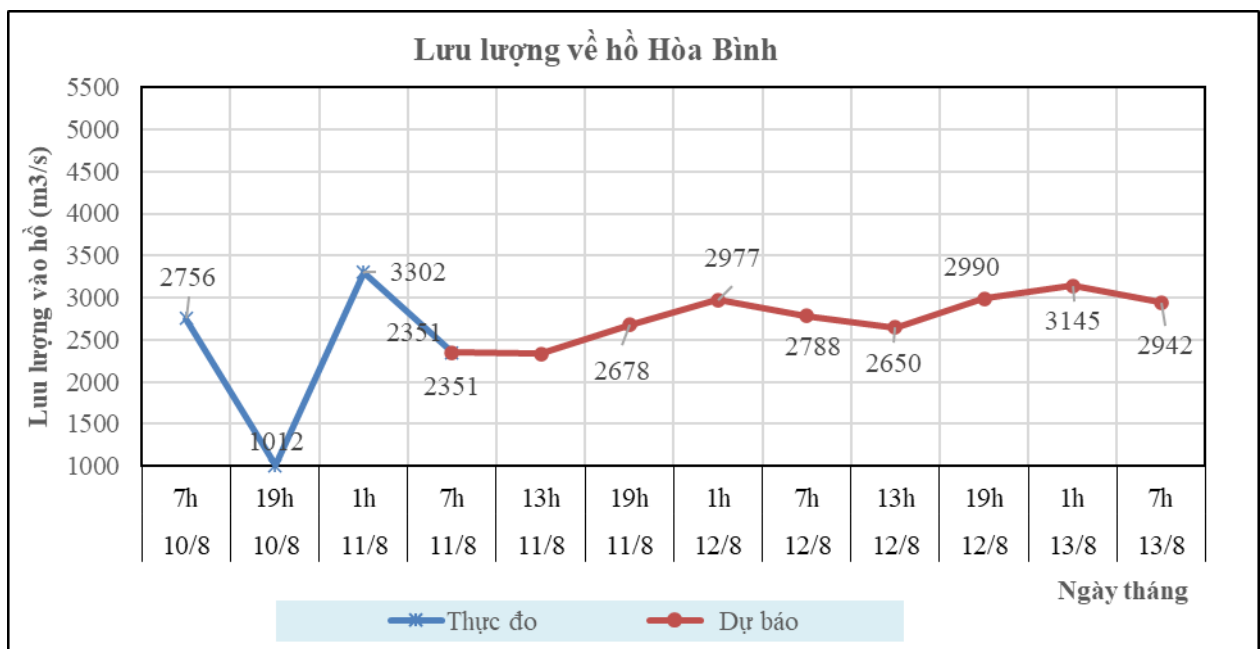
II.2. Hồ Hòa Bình

a. Diễn biến lưu lượng, mực nước hồ

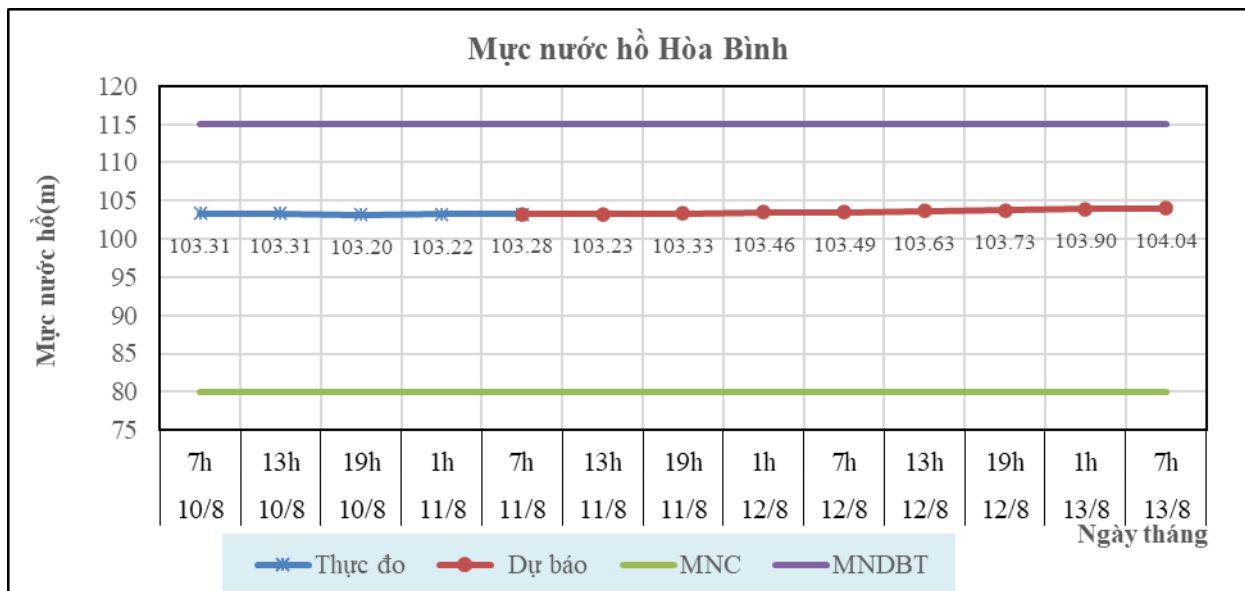
Lưu lượng hồ thực đo lúc 7h ngày 11/08/2025 đạt $2351\text{m}^3/\text{s}$, mực nước hồ đạt 103,28m, lưu lượng có xu thế biến đổi, mực nước có xu thế biến đổi.

b. Dự báo, cảnh báo

Lưu lượng dự báo trong 24h tới đạt $2788\text{m}^3/\text{s}$, mực nước hồ 103,49m, 48h tới lưu lượng đạt $2942\text{m}^3/\text{s}$, mực nước đạt 104,04m.



Hình 7: Lưu lượng hồ Hòa Bình



Hình 8: Mức nước hồ Hòa Bình

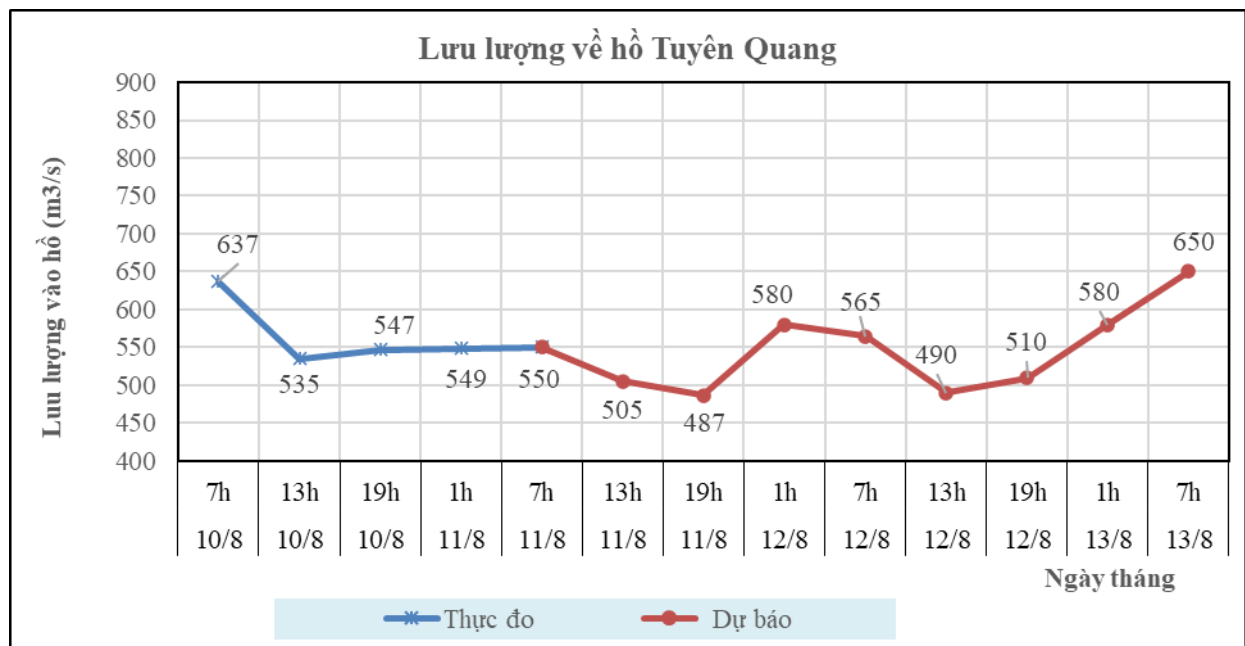
II.3. Hồ Tuyên Quang

a. Diễn biến lưu lượng, mực nước hồ

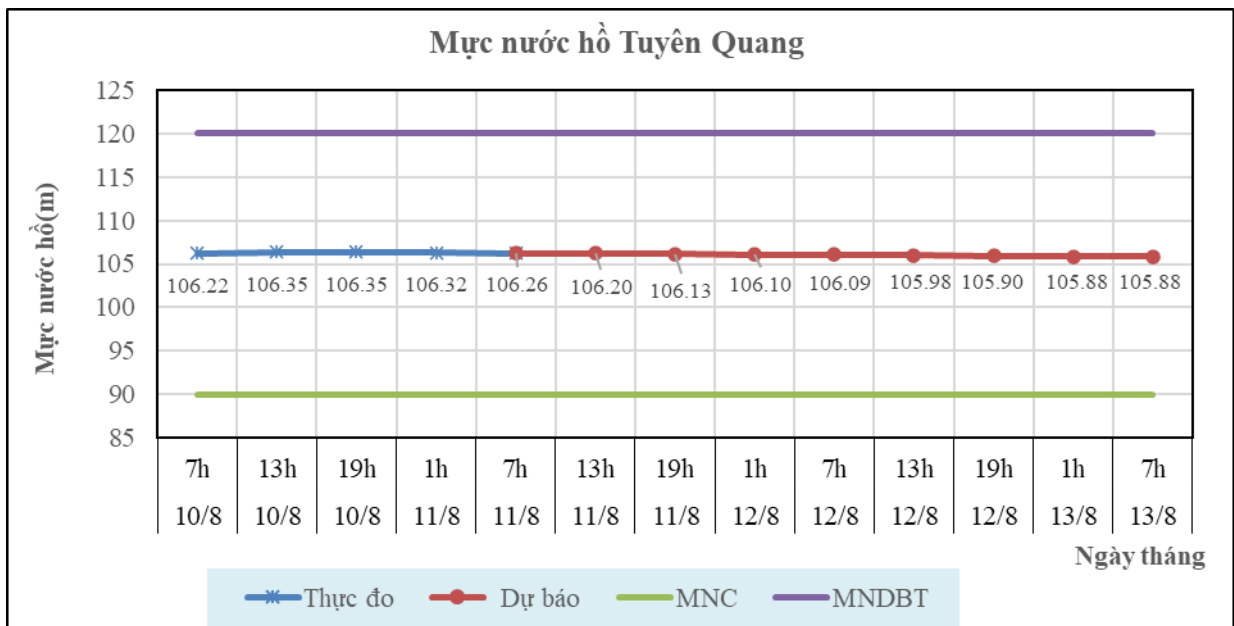
Lưu lượng hồ thực đo lúc 7h ngày 11/08/2025 đạt $550\text{m}^3/\text{s}$, mực nước hồ đạt 106,26m, lưu lượng có xu thế biến đổi, mực nước có xu thế biến đổi.

b. Dự báo, cảnh báo

Lưu lượng dự báo trong 24h tới đạt $565\text{m}^3/\text{s}$, mực nước hồ 106,09m, 48h tới lưu lượng đạt $650\text{m}^3/\text{s}$, mực nước đạt 105.88m.



Hình 9: Lưu lượng hồ Tuyên Quang



Hình 10: Mức nước hồ Tuyên Quang

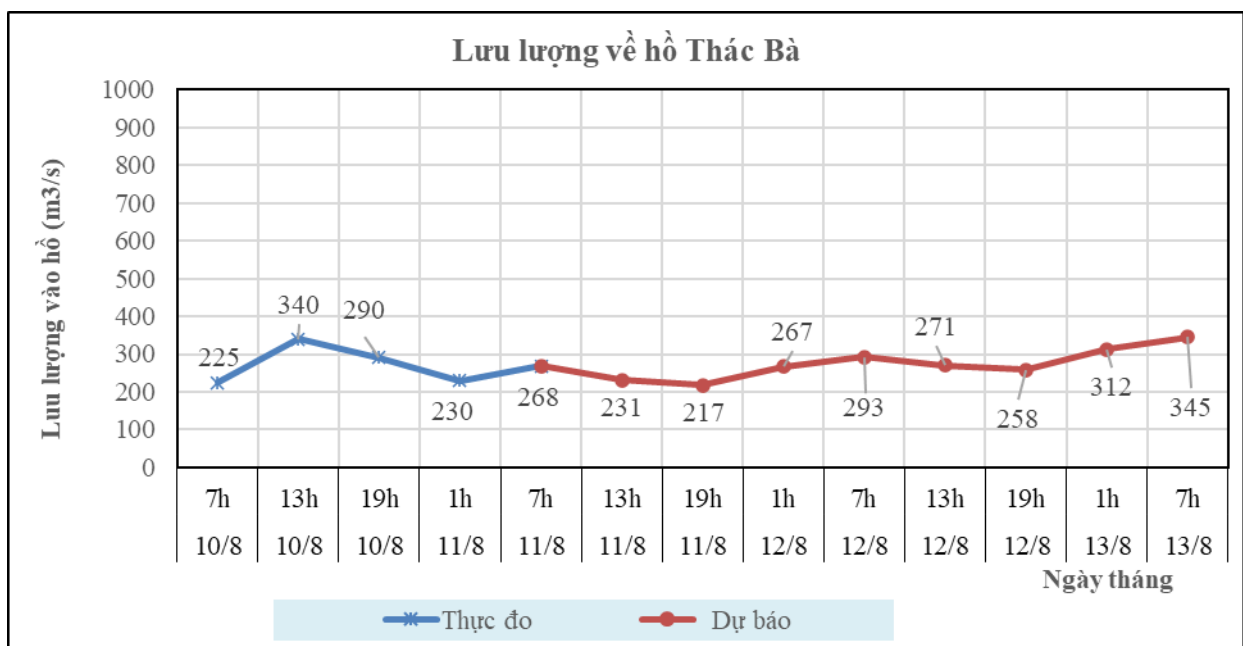
II.4. Hồ Thác Bà

a. Diễn biến lưu lượng, mực nước hồ

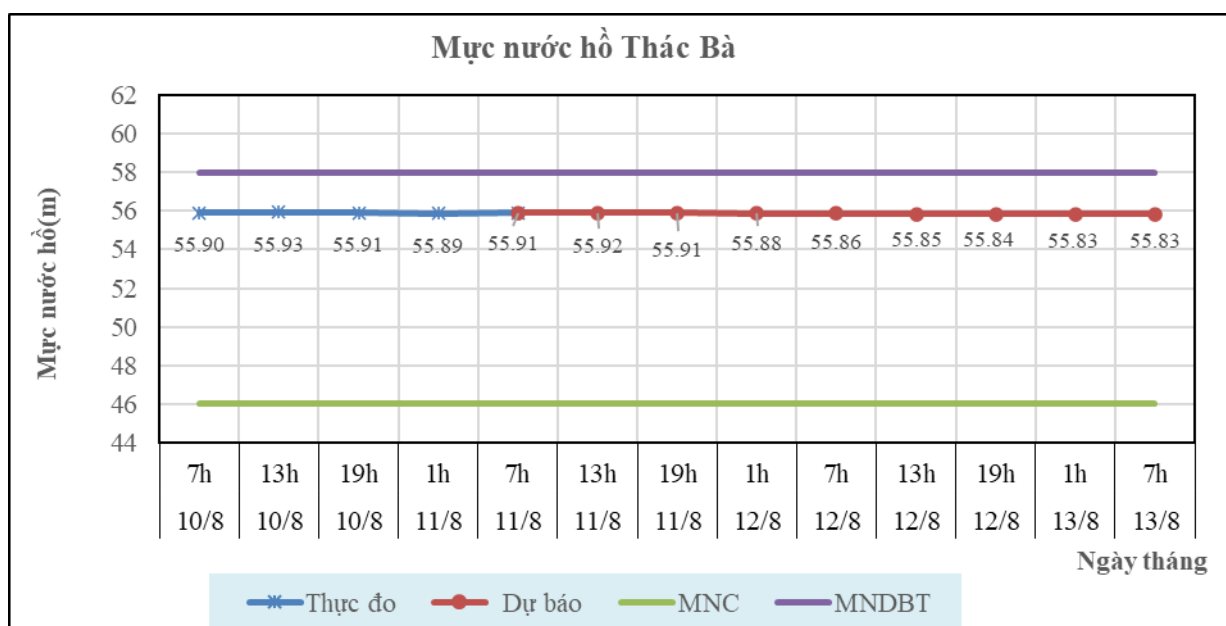
Lưu lượng hồ thực đo lúc 7h ngày 11/08/2025 đạt $268\text{m}^3/\text{s}$, mực nước hồ đạt 55,91m, lưu lượng có xu thế biến đổi, mực nước có xu thế biến đổi.

b. Dự báo, cảnh báo

Lưu lượng dự báo trong 24h tới đạt $293\text{m}^3/\text{s}$, mực nước hồ 55,86m, 48h tới lưu lượng đạt $345\text{m}^3/\text{s}$, mực nước đạt 55,83m.



Hình 9: Lưu lượng hồ Thác Bà



Hình 10: Mức nước hồ Thác Bà

III. TƯ VẤN VẬN HÀNH HỆ THỐNG HỒ CHỨA

Theo hiện trạng hồ chứa, tình hình thời tiết và xu thế lũ, Viện KH KTTV & BDKH kiến nghị thực hiện vận hành hệ thống chi tiết trong Bảng 1.

Bảng 1: Tư vấn vận hành hệ thống hồ chứa trên lưu vực sông Hồng – Thái Bình

STT	Ngày	Giờ	Hồ Sơn La					Hồ Hòa Bình					Hồ Tuyên Quang					Hồ Thác Bà				
			Số cửa xả đáy	Số cửa xả mặt	Lưu lượng về hồ (m ³ /s)	Lưu lượng xả (m ³ /s)	Mức nước hồ (m)	Số cửa xả đáy	Số cửa xả mặt	Lưu lượng về hồ (m ³ /s)	Lưu lượng xả (m ³ /s)	Mức nước hồ (m)	Số cửa xả đáy	Số cửa xả mặt	Lưu lượng về hồ (m ³ /s)	Lưu lượng xả (m ³ /s)	Mức nước hồ (m)	Số cửa xả đáy	Số cửa xả mặt	Lưu lượng về hồ (m ³ /s)	Lưu lượng xả (m ³ /s)	Mức nước hồ (m)
1	8/11/2025	13h	0	0	2925	2600	201.35	0	0	2335	1600	103.23	0	0	505	680	106.20	0	0	231	440	55.92
2		19h	0	0	2846	2550	201.38	0	0	2678	1680	103.33	0	0	487	660	106.13	0	0	217	442	55.91
3	8/12/2025	1h	0	0	2936	2400	201.43	0	0	2977	1750	103.46	0	0	580	700	106.10	0	0	267	441	55.88
4		7h	0	0	2954	1350	201.55	0	0	2788	1730	103.49	0	0	565	705	106.09	0	0	293	410	55.86
5		13h	0	0	2950	2850	201.63	0	0	2650	1700	103.63	0	0	490	710	105.98	0	0	271	420	55.85
6		19h	0	0	3345	2700	201.67	0	0	2990	1650	103.73	0	0	510	700	105.90	0	0	258	410	55.84
7	8/13/2025	1h	0	0	3550	2750	201.75	0	0	3145	1600	103.90	0	0	580	705	105.88	0	0	312	411	55.83
8		7h	0	0	3150	1600	201.88	0	0	2942	1560	104.04	0	0	650	701	105.88	0	0	345	413	55.83